

Bản án số: 163/2023/DS-ST

Ngày: 21-9-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thiềm Quốc Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Bà Lê Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa:
Ông Tô Minh Phú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Phạm Giang T**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

1.2. Ông **Ngô Đắc H**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Ông **Lê Hồng N**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

1.4. Ông **Phạm Hữu N**, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông H, ông N, ông N:

+ Ông **Trịnh Hoàng K**, sinh năm: 1981. (Có mặt).

+ Bà **Huỳnh Yên D**, sinh năm: 2000. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 46, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn*: Bà **Dương Thúy L**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Đường số 02, khu dân cư D, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung các đơn khởi kiện của các nguyên đơn *Phạm Giang T, Ngô Đắc H, Lê Hồng N, Phạm Hữu N* và trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn lần lượt trình bày:

+ *Nguyên đơn Phạm Giang T*: Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 27/4/2022, bà Dương Thúy L có đến gặp trực tiếp ông Phạm Giang T trình bày sự việc cần vốn đầu tư kinh doanh nên yêu cầu ông T cho bà L vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Bà L cam kết trả lãi cho ông T đúng hạn nên ông T đồng ý cho bà L vay tiền. Bà L đã tự mình viết giấy vay tiền, ông T cũng đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng cho bà L. Sau khi cho bà L vay tiền được 07 ngày thì đến đầu tháng 5/2022, bà L tuyên bố bế nợ, không đóng tiền lãi cho ông T. Sau rất nhiều lần liên hệ, yêu cầu bà L trả tiền vay nhưng bà L vẫn cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T nên ông Phạm Giang T khởi kiện yêu cầu buộc bà Dương Thúy L có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/4/2022 đến ngày 27/11/2022 với lãi suất 1.66%/tháng tương đương số tiền 23.240.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà L trả lãi đến khi thanh toán dứt nợ. Ông T chỉ yêu cầu một mình bà L trả nợ vay, ngoài ra không yêu cầu ai khác cùng với bà L liên đới trả nợ.

+ *Nguyên đơn Ngô Đắc H*: Trong các ngày 12/4/2022 và 24/4/2022, bà Dương Thúy L có vay của ông Ngô Đắc H tổng cộng 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Trong quá trình vay tiền, bà L đã 16 lần chuyển trả nợ vay gốc, mỗi lần trả 2.000.000 đồng, tổng cộng bà L đã trả cho ông H 32.000.000 đồng. Bà L chưa trả cho ông H khoản tiền lãi nào. Kể từ ngày 06/5/2022, bà L không trả tiền nợ vay gốc mà cũng không trả lãi cho ông H nên ông Phạm Đắc H khởi kiện yêu cầu buộc bà Dương Thúy L thanh toán tiền vay gốc 168.000.000 đồng và tiền lãi 3%/tháng tính từ ngày 06/5/2022 đến ngày 06/10/2022 là 25.200.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi cho đến khi bà L thanh toán dứt nợ. Ông H chỉ yêu cầu một mình bà L trả nợ vay, ngoài ra không yêu cầu ai khác cùng với bà L liên đới trả nợ.

+ *Nguyên đơn Lê Hồng N*: Do quen biết từ trước nên vào ngày 14/4/2022, bà Dương Thúy L có đến gặp ông Lê Hồng N trình bày sự việc cần vốn đầu tư kinh doanh nên bà L xin vay 200.000.000 đồng với thời hạn là 02 tháng. Lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Ông N đồng ý và đã giao tiền vay cho bà L 200.000.000 đồng và bà L tự mình viết giấy vay tiền đưa cho ông N giữ để làm tin. Tuy nhiên, từ khi nhận tiền vay đến nay, bà L không thanh toán tiền vay theo cam kết. Đến hạn trả nợ gốc là ngày 14/6/2022 nhưng bà L cố tình né tránh,

không hoàn trả cho ông N tiền vay gốc và lãi theo thỏa thuận nên ông Lê Hồng N khởi kiện yêu cầu buộc bà Dương Thúy L trả tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 14/4/2022 đến ngày 14/11/2022 trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là 23.240.000 đồng. Đồng thời, tiếp tục tính lãi cho đến khi bà L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Ông N chỉ yêu cầu một mình bà L trả nợ vay, ngoài ra không yêu cầu ai khác cùng với bà L liên đới trả nợ.

+ *Nguyên đơn Phạm Hữu N*: Được người quen giới thiệu nên bà Dương Thúy L có quen biết với ông Phạm Hữu N. Vào ngày 18/4/2022, bà L có đến gặp ông Nghĩa trình bày là cần vốn đầu tư làm ăn nên bà L yêu cầu ông N cho vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Ông N đồng ý nên cùng bà L đến Văn phòng Công chứng để lập hợp đồng vay tiền và ông N đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng cho bà L. Thế nhưng, từ khi nhận được tiền vay đến nay, bà L không thanh toán tiền lãi vay theo cam kết. Đến hạn trả nợ gốc là ngày 18/6/2022, bà L lại né tránh, không hoàn trả cho ông N số tiền gốc đã vay cũng như không thanh toán tiền lãi cho ông N nên ông Phạm Hữu N khởi kiện yêu cầu buộc bà Dương Thúy L trả số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 2%/tháng tính từ ngày 18/4/2022 đến ngày 18/10/2022 trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là 24.000.000 đồng. Tiếp tục tính lãi cho đến khi bà L thanh toán xong nợ vay. Đến ngày 13/12/2022, ông N và bà L xác định lại nợ vay bà L còn thiếu chưa trả nên chỉ yêu cầu bà L trả tiền vay gốc còn thiếu là 160.000.000 đồng. Ông N chỉ yêu cầu một mình bà L trả nợ vay, ngoài ra không yêu cầu ai khác cùng với bà L liên đới trả nợ.

- *Theo nội dung các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Dương Thúy L lần lượt trình bày:*

+ *Đối với yêu cầu của nguyên đơn Phạm Giang T*: Bà L thừa nhận vào ngày 27/4/2022 có vay số tiền 200.000.000 đồng của ông Phạm Giang T và có ký biên nhận nợ nhưng đã thanh toán cho ông T được 52.000.000 đồng. Trong đó, có 20.000.000 đồng tiền phí và 32.000.000 đồng tiền lãi. Nay bà L chỉ đồng ý trả lại cho ông T 148.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi tính từ ngày vay 27/4/2022 đến ngày 13/12/2022 với lãi suất 20%/năm là 20.000.000 đồng. Tổng cộng, bà L đồng ý thanh toán cho ông T 168.000.000 đồng.

+ *Đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngô Đắc H*: Bà L thừa nhận vào ngày 12/4/2022 và 24/4/2022 có vay của ông Ngô Đắc H tổng cộng 200.000.000 đồng nhưng đã thanh toán cho ông H được số tiền 74.000.000 đồng, còn nợ lại tiền vay gốc 126.000.000 đồng. Nay bà L chỉ đồng ý trả lại cho ông H 126.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi tính từ ngày vay với lãi suất 1.66%/tháng là 17.000.000 đồng. Tổng cộng, bà L đồng ý thanh toán cho ông H 143.000.000 đồng. Sau khi đã đối chiếu lại nợ vay với ông H, bà L thừa nhận và thống nhất trả lại cho ông H 168.000.000 đồng tiền vay gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi.

+ *Đối với yêu cầu của nguyên đơn Lê Hồng N*: Bà L thừa nhận vào ngày 14/4/2022 có vay số tiền 200.000.000 đồng của ông Lê Hồng N và có viết giấy

vay tiền như ông N trình bày. Tuy nhiên, bà đã thanh toán cho N được 100.000.000 đồng, chỉ còn nợ số tiền vay gốc 100.000.000 đồng. Nay bà L chỉ thống nhất trả lại cho ông Lê Hồng N tiền vay gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/4/2022 đến ngày 13/12/2022 với lãi suất 20%/năm là 13.000.000 đồng.

+ *Đối với yêu cầu của nguyên đơn Phạm Hữu N:* Bà L thừa nhận vào ngày 18/4/2022 có vay của ông Phạm Hữu N 200.000.000 đồng và có ký hợp đồng vay tiền với lãi suất thỏa thuận 60%/tháng (4.000.000 đồng/ngày). Bà đã thanh toán cho ông N tiền lãi từ ngày 18/4/2022 đến ngày 06/5/2022 là 18 ngày với số tiền 72.000.000 đồng. Trả lãi thông qua chuyển khoản. Ngoài ra, bà còn giao cho ông N số tiền 20.000.000 đồng là tiền phí, việc giao tiền này không có làm biên nhận. Tổng cộng bà L đã trả cho ông N 92.000.000 đồng nên chỉ còn nợ của ông N 108.000.000 đồng. Do đó, chỉ đồng ý thanh toán cho ông N số tiền nợ vay gốc còn thiếu là 108.000.000 đồng và thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm là 14.342.000 đồng. Tổng cộng, đồng ý thanh toán cho ông N 122.342.000 đồng. Sau khi đối chiếu lại nợ vay với ông N, bà L thừa nhận và thống nhất trả tiền nợ vay gốc cho ông N 160.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ vay gốc và lãi còn thiếu của các nguyên đơn: Phạm Giang T là 253.440.000 đồng. Trong đó, nợ vay gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi là 53.440.000 đồng; Ngô Đắc H là 210.084.000 đồng. Trong đó, nợ vay gốc là 168.000.000 đồng và nợ lãi là 42.084.000 đồng; Lê Hồng N là 202.752.000 đồng. Trong đó, nợ vay gốc là 160.000.000 đồng và nợ lãi là 42.752.000 đồng; Phạm Hữu N là 202.752.000 đồng. Trong đó, nợ vay gốc là 160.000.000 đồng và nợ lãi là 42.752.000 đồng. Đồng thời, tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán dứt nợ vay.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng thì Kiểm sát viên cho rằng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Còn về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân quận Cái Răng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nhập vụ án: Nguyên đơn Phạm Giang T, Ngô Đắc H, Lê Hồng N, Phạm Hữu N có đơn khởi kiện độc lập đối với bị đơn Dương Thúy L. Tòa án đã thụ lý giải quyết các vụ án độc lập đối với từng yêu cầu của các nguyên đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, nhận thấy nguyên đơn Phạm Giang T, Ngô Đắc H, Lê Hồng N, Phạm Hữu N cùng khởi kiện đối với bị đơn Dương Thúy L cùng một quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên cần thiết nhập thành một vụ án để tạo điều kiện thuận lợi khi giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn Dương Thúy L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Giang T:

Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 27/4/2022, giữa bà Dương Thuý L và ông Phạm Giang T có ký kết hợp đồng vay tài sản (thể hiện bằng giấy vay tiền). Theo đó, ông T cho bà L vay 200.000.000 đồng. Thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 27/4/2022. Ông T cho rằng, sau khi ký hợp đồng và nhận tiền thì bà L không thanh toán nợ vay gốc và lãi cho nguyên đơn. Còn bà L thừa nhận có vay của ông Phạm Giang T 200.000.000 đồng vào ngày 27/4/2022 và có ký biên nhận nhưng đã thanh toán cho ông T được 52.000.000 đồng. Trong đó, có 20.000.000 đồng tiền phí và 32.000.000 đồng tiền lãi nên chỉ còn thiếu của ông T 148.000.000 đồng tiền vay gốc nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền 52.000.000 đồng cho ông T. Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn lên làm việc cũng như tham dự phiên tòa nhưng bị đơn cố tình né tránh và cũng không cung cấp chứng cứ cho trình bày của mình là có căn cứ. Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa nguyên đơn và bị đơn có diễn ra việc vay tài sản, nguyên đơn có giao cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng nhưng bị đơn chưa thanh toán nợ vay gốc cho nguyên đơn.

Về tiền lãi, nguyên đơn cho rằng khi ký kết hợp đồng vay tiền vào ngày 27/4/2022, không ghi cụ thể lãi suất trong hợp đồng nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất miệng là 3%/tháng nhưng bị đơn không thanh toán bất kỳ tiền lãi nào cho nguyên đơn kể từ ngày 27/4/2022. Do đó, yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi tính từ ngày 27/4/2022 đến ngày 27/8/2023 với lãi suất 1.67%/tháng trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là 53.440.000 đồng. Còn bị đơn thì cho rằng, trong giấy vay tiền chỉ thể hiện lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng thực tế lãi suất trả cho nguyên đơn tương đương 60%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy vay tiền không ghi cụ thể lãi suất mà chỉ thể hiện lãi suất do các bên thỏa thuận. Do đó, trong trường hợp này, được xem là

các bên có thoả thuận lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 10%/năm tương đương 0.83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Không có cơ sở áp dụng mức lãi suất 1.67%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn. Do bị đơn không thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn kể từ ngày vay tiền là 27/4/2022 và nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi từ 27/4/2022 đến ngày 27/8/2023 (16 tháng) trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất 0.83%/tháng tương đương số tiền lãi mà bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là 26.560.000 đồng.

Từ các căn cứ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Giang T là có cơ sở chấp nhận một phần nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn gốc và lãi là 226.560.000 đồng.

[4.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Đắc H:

Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 12/4/2022, giữa bà Dương Thuý L và ông Ngô Đắc H có ký kết hợp đồng vay tài sản (thể hiện bằng giấy mượn tiền). Theo đó, ông H cho bà L vay 100.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ vay là ngày 12/6/2022. Ngày 24/4/2022, giữa bà Dương Thuý L và ông Ngô Đắc H ký tiếp hợp đồng vay tài sản (thể hiện bằng giấy biên nhận). Theo đó, ông H cho bà L vay tiếp 100.000.000 đồng nhưng không thể hiện cụ thể thời gian trả nợ vay. Ông H cho rằng sau khi vay tiền thì bà L đã thanh toán tiền vay gốc cho ông H được 32.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán khoản tiền lãi. Kể từ ngày 06/5/2022, bà L không trả tiền nợ vay gốc, cũng không trả tiền lãi cho ông H nên yêu cầu buộc bà Dương Thuý L thanh toán tiền vay gốc 168.000.000 đồng. Còn bị đơn thì thừa nhận có ký kết hợp đồng vay số tiền 200.000.000 đồng của nguyên đơn như nguyên đơn trình bày. Sau khi đối chiếu nợ vay với nguyên đơn thì bà thừa nhận còn nợ ông H tiền vay gốc 168.000.000 đồng và thống nhất trả cho ông H số tiền này. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên bị đơn có trách nhiệm trả số tiền vay gốc 168.000.000 đồng cho nguyên đơn là có cơ sở.

Về tiền lãi, nguyên đơn cho rằng khi ký kết hợp đồng vay tiền vào ngày 12/4/2022 và ngày 24/4/2022, không ghi cụ thể lãi suất trong hợp đồng nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận lãi suất miệng là 3%/tháng nhưng bị đơn không thanh toán bất kỳ tiền lãi nào cho nguyên đơn kể từ ngày vay tiền. Do đó, yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi tính từ ngày 06/5/2022 đến ngày 06/9/2023 với lãi suất 1,67%/tháng trên số tiền gốc chưa thanh toán 168.000.000 đồng là 42.084.000 đồng. Còn bị đơn thì cho rằng, thực tế lãi suất bị đơn trả cho nguyên đơn tương đương 60%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy mượn tiền lập ngày 12/4/2022 và giấy biên nhận ngày 24/4/2022 không đề cập đến lãi suất giữa các bên thoả thuận nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng vay có lãi nhưng có tranh chấp về lãi suất. Do đó, trong trường hợp này, được xem là các bên có thoả thuận lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 10%/năm tương đương 0.83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm

2015. Không có cơ sở áp dụng mức lãi suất 1.67%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn. Do bị đơn không thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 06/5/2022 và nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi đến ngày 06/9/2023 (16 tháng) trên số tiền nợ gốc 168.000.000 đồng và Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất 0.83%/tháng tương đương số tiền lãi mà bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là 22.310.000 đồng.

Từ các căn cứ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Đắc H là có cơ sở chấp nhận một phần nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn gốc và lãi là 190.310.000 đồng.

[4.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Hồng N:

Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 14/4/2022, giữa bà Dương Thuý L và ông Lê Hồng N có ký kết hợp đồng vay tài sản (thể hiện bằng giấy vay tiền). Theo đó, ông N cho bà L vay 200.000.000 đồng. Thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 14/4/2022. Ông N cho rằng, sau khi cân trừ nợ thì bà L đã thanh toán được cho ông N 40.000.000 đồng tiền nợ vay gốc, còn tiền lãi chưa thanh toán. Do đó, đối với nợ vay gốc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay gốc 160.000.000 đồng. Còn bà L thì thừa nhận vào ngày 14/4/2022 có vay số tiền 200.000.000 đồng của ông Lê Hồng N và có viết giấy vay tiền như ông N trình bày nhưng cho rằng đã thanh toán cho N được 100.000.000 đồng, chỉ đồng ý thanh toán tiền vay gốc 100.000.000 đồng cho ông N. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền 100.000.000 đồng cho ông N. Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn lên làm việc cũng như tham dự phiên toà nhưng bị đơn cố tình né tránh và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ. Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa nguyên đơn và bị đơn có diễn ra việc vay tài sản, nguyên đơn có giao cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng nhưng bị đơn chưa thanh toán nợ vay gốc cho nguyên đơn.

Về tiền lãi, nguyên đơn cho rằng khi ký kết hợp đồng vay tiền vào ngày 14/4/2022, không ghi cụ thể lãi suất trong hợp đồng nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận lãi suất miệng là 3%/tháng nhưng bị đơn không thanh toán bất kỳ tiền lãi nào cho nguyên đơn kể từ ngày 14/4/2022. Do đó, yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi tính từ ngày 14/4/2022 đến ngày 14/8/2023 với lãi suất 1.67%/tháng trên số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng là 42.752.000 đồng. Còn bị đơn thì cho rằng, trong giấy vay tiền chỉ thể hiện lãi suất do các bên thoả thuận nhưng thực tế lãi suất trả cho nguyên đơn tương đương 60%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy vay tiền không ghi cụ thể lãi suất mà chỉ thể hiện lãi suất do các bên thoả thuận. Do đó, trong trường hợp này, được xem là các bên có thoả thuận lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 10%/năm tương đương 0.83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Không có cơ sở áp dụng mức lãi suất 1.67%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn. Do bị đơn không thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn kể từ ngày vay tiền là 14/4/2022 và nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày 14/4/2022 đến ngày 14/8/2023

(16 tháng) trên số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng và Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất 0.83%/tháng tương đương số tiền lãi mà bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là 21.248.000 đồng.

Từ các căn cứ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Hồng N là có cơ sở chấp nhận một phần nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn gốc và lãi là 181.248.000 đồng.

[4.4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Hữu N:

Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 18/4/2022, giữa bà Dương Thuý L và ông Phạm Hữu N có ký kết hợp đồng vay tiền và có công chứng tại Văn phòng Công chứng Ngô Hồng Thanh. Theo đó, ông N cho bà L vay 200.000.000 đồng. Thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Sau khi ký kết hợp đồng đến ngày 18/6/2022 thì bà L mới thanh toán 40.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng chưa thanh toán tiền lãi. Còn bị đơn thì thừa nhận có ký kết hợp đồng vay số tiền 200.000.000 đồng của nguyên đơn như nguyên đơn trình bày. Sau khi đối chiếu nợ vay với nguyên đơn thì bà thừa nhận còn nợ ông N tiền vay gốc 160.000.000 đồng và thống nhất trả cho ông N số tiền này. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên bị đơn có trách nhiệm trả số tiền vay gốc 160.000.000 đồng cho nguyên đơn là có cơ sở.

Về tiền lãi, nguyên đơn cho rằng khi ký kết hợp đồng vay tiền vào ngày 18/4/2022, không ghi cụ thể lãi suất trong hợp đồng nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận lãi suất miệng là 2%/tháng nhưng bị đơn không thanh toán bất kỳ tiền lãi nào cho nguyên đơn kể từ ngày 18/4/2022. Tuy nhiên, bị đơn đã thanh toán được tiền nợ vay gốc 40.000.000 đồng. Do đó, chỉ yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi tính từ ngày 18/4/2022 đến ngày 18/8/2023 với lãi suất 1.67%/tháng trên số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng là 42.752.000 đồng. Còn bị đơn thì cho rằng, trong hợp đồng vay tiền chỉ thể hiện lãi suất do các bên thoả thuận nhưng thực tế lãi suất trả cho nguyên đơn tương đương 60%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong hợp đồng vay tiền không ghi cụ thể lãi suất mà chỉ thể hiện lãi suất do các bên thoả thuận. Do đó, trong trường hợp này, được xem là các bên có thoả thuận lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 10%/năm tương đương 0.83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Không có cơ sở áp dụng mức lãi suất 1.67%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn. Do bị đơn không thanh toán tiền lãi và nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 18/4/2022 đến ngày 18/8/2023 (16 tháng) trên số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng và Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất 0.83%/tháng tương đương số tiền lãi mà bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là 21.248.000 đồng.

Từ các căn cứ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Hữu N là có cơ sở chấp nhận một phần nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn gốc và lãi là 181.248.000 đồng.

[5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bị đơn trả tiền nợ vay gốc và lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với bị đơn.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền thanh toán cho nguyên đơn; nguyên đơn chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn Dương Thuý L trả cho các nguyên đơn:

Phạm Giang T 226.560.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi là 26.560.000 đồng.

Ngô Đắc H 190.310.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 168.000.000, nợ lãi là 22.310.000 đồng

Lê Hồng N 181.248.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 160.000.000, nợ lãi là 21.248.000 đồng.

Phạm Hữu N 181.248.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 160.000.000, nợ lãi là 21.248.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bị đơn Dương Thuý L phải chịu 35.174.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Phạm Giang T phải chịu 1.344.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển một phần của số tiền 5.900.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0008774 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án

dân sự quận Cái Răng thành tiền án phí của ông T. Như vậy, ông T được nhận lại 4.556.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

Nguyên đơn Ngô Đắc H phải chịu 988.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển một phần của số tiền 5.900.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0008775 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng thành tiền án phí của ông H. Như vậy, ông H được nhận lại 4.911.500 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

Nguyên đơn Lê Hồng N phải chịu 1.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển một phần của số tiền 5.900.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0008776 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng thành tiền án phí của ông N. Như vậy, ông N được nhận lại 4.825.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

Nguyên đơn Phạm Hữu N phải chịu 1.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển một phần của số tiền 5.600.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0008777 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng thành tiền án phí của ông N. Như vậy, ông N được nhận lại 4.525.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Viện KSND quận Cái Răng;
- Chi cục T.H.A.DS quận Cái Răng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thiền Quốc Khanh

